

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **92/2024/HNGĐ-ST**

Ngày 14-11-2024

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thúy Năng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Huỳnh Hưng
Bà Đặng Thị Liễu

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Tuyết Mai, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Bà Lương Thị Chung.

Trong ngày 14 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 95/2023/TLST-HNGĐ ngày 11/12/2023 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 9 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 23/2024/QĐST-HNGĐ ngày 20/9/2024 và Thông báo về thời gian mở lại phiên tòa số 118/TB-TA ngày 09/10/2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Mai Thị Thu V, sinh năm: 1973; Địa chỉ: K đường L, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Phan Tiến D, sinh năm: 1972; Địa chỉ: F, Dorcheste MA XX -, Hoa Kỳ (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Nguyên đơn bà Mai Thị Thu V trình bày:**

Bà và ông Phan Tiến D đăng ký kết hôn vào ngày 01/3/2019 tại UBND quận L, thành phố Đà Nẵng, theo giấy chứng nhận kết hôn số 08/2019, hôn nhân trên sơ sơ tự nguyện.

Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung tại nhà bà V địa chỉ K đường L, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng. Sau đó, ông Phan Tiến D trở về Mỹ sinh sống, còn bà ở lại Việt Nam. Từ năm 2019, vợ chồng bà đã xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ

chồng bà bất đồng quan điểm, khoảng cách địa lý xa xôi, vợ chồng không có tiếng nói chung. Bà V xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục và duy trì cuộc hôn nhân này nữa, nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Phan Tiến D.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà V xác định không có.

* Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Phan Tiến D không có văn bản phản hồi cho Tòa án về yêu cầu xin ly hôn của bà Mai Thị Thu V, cũng như không đến tham gia tố tụng tại Tòa án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án như sau: Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 56, Điều 122, 123, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình; chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “Ly hôn” của bà Mai Thị Thu V đối với ông Phan Tiến D; Cho bà Mai Thị Thu V được ly hôn với ông Phan Tiến D. Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà V xác định không có, nên không đề cập đến. Về án phí dân sự sơ thẩm, các chi phí tố tụng khác bà Mai Thị Thu V phải chịu theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu hồ sơ vụ án, các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Mai Thị Thu V cư trú tại K đường L, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng, Việt Nam; Bị đơn ông Phan Tiến D cư trú tại F, Dorcheste MA XX, Hoa Kỳ nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành Đà Nẵng theo quy định tại khoản 3 Điều 35, Điều 37, khoản 1 Điều 470 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã tổng đạt văn bản tố tụng cho ông Phan Tiến D tại địa chỉ: F, Dorcheste MAXX, Hoa Kỳ, bằng hình thức ủy thác tư pháp ra nước ngoài cho cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ và gửi theo đường dịch vụ bưu chính.

Ngày 23/8/2024, Tòa án đã nhận kết quả ủy thác tư pháp của cơ quan có thẩm quyền của Hoa Kỳ cụ thể là: Không có người nhận tại địa chỉ yêu cầu. Theo yêu cầu của nguyên đơn bà Mai Thị Thu V, Tòa án đã thực hiện việc đăng thông tin thời gian mở phiên tòa xét xử trên kênh của Ban Đối ngoại - V1 - Đài Tiếng nói Việt Nam về việc ly hôn giữa bà Mai Thị Thu V đối với ông Phan Tiến D. Tại phiên tòa, bị đơn ông Phan Tiến D vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm c khoản 6 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Mai Thị Thu V và ông Phan Tiến D ký kết hôn ngày 01/3/2019 tại UBND quận L, thành phố Đà Nẵng, giấy chứng nhận kết hôn số 08/2019 trên cơ sở tự nguyện, đây là hôn nhân hợp pháp, nên được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Sau khi kết hôn, theo bà V vợ chồng phát sinh mâu thuẫn từ cuối năm 2019, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống, mỗi người sống mỗi nơi nên tình cảm ngày càng phai nhạt, không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay, bà V xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông D.

Xét yêu cầu ly hôn của bà V, Hội đồng xét xử nhận thấy: Hiện nay bà V và ông D mỗi người sống mỗi nơi, hôn nhân chỉ tồn tại về mặt hình thức, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận yêu cầu của bà V, cho bà V được ly hôn đối với ông D là phù hợp với các Điều 56, 122, 123, 127 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về con chung: Bà V xác định không có, nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Bà V xác định không có, ông D không có ý kiến phản hồi về nội dung này, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về án phí, lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và các chi phí tố tụng khác: Bà V phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 35; các Điều 37, 38, 147, 464; 470; điểm c khoản 6 Điều 477; Điều 479 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 56, 122, 123 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc: “Ly hôn” của bà Mai Thị Thu V đối với ông Phan Tiến D.

1. Về quan hệ hôn nhân:

Xử: Cho bà Mai Thị Thu V được ly hôn với ông Phan Tiến D.

2. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà Mai Thị Thu V phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà V đã nộp 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu số 0001331 ngày 11/12/2023 của Cục Thi

hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà Mai Thị Thu V đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

3. Về lệ phí: Bà Mai Thị Thu V phải chịu là 200.000 đồng lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài (đối với hồ sơ ủy thác tổng đạt), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà Mai Thị Thu V đã nộp là 200.000 đồng theo Biên lai thu số 0001388 ngày 21/02/2024 của Cục Thi hành án dân sự thành phố Đà Nẵng. Bà Mai Thị Thu V đã nộp đủ lệ phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài.

4. Về các chi phí tố tụng khác:

- Về chi phí thực tế ủy thác tư pháp ra nước ngoài: Bà Mai Thị Thu V phải chịu, bà V đã nộp đủ số tiền 95(chín mươi lăm) USD tại Ngân hàng N, chi nhánh Đ1 ngày 23/02/2024, đã nộp xong.

- Về chi phí đăng tin trên kênh của Ban Đối ngoại – V1 - Đài Tiếng nói Việt Nam: Bà Mai Thị Thu V phải chịu 2.250.000đ, đã nộp xong.

- Về chi phí dịch thuật, chứng thực hồ sơ ủy thác và chi phí gửi văn bản tố tụng theo đường bưu chính ra nước ngoài: Bà Mai Thị Thu V chịu 330.000đ (ba trăm ba mươi ba nghìn đồng), đã nộp xong.

5. Về quyền kháng cáo: Bà Mai Thị Thu V có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Ông Phan Tiến D vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 01 tháng kể từ ngày bản án được tổng đạt hoặc niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TP. Đà Nẵng;
- Cục Thi hành án dân sự TP. Đà Nẵng;
- UBND L;
- Lưu hồ sơ.

**TM HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đỗ Thị Thúy Năng

